

Số: 684/TB-HHTM

Cần Thơ, ngày 19 tháng 11 năm 2025

### THÔNG BÁO

#### **Kết quả vấn đáp (vòng 2) và công nhận kết quả các thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ kế hoạch số 416/KH-HHTM ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Huyết học - Truyền máu thành phố Cần Thơ về Tuyển dụng viên chức năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-HHTM ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Huyết học – Truyền máu thành phố Cần Thơ về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2025;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Huyết học – Truyền máu thành phố Cần Thơ thông báo kết quả vấn đáp (vòng 2) và công nhận kết quả các thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (có danh sách đính kèm).

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Bệnh viện Huyết học – Truyền máu thành phố Cần Thơ để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Bản sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).
- Giấy khám sức khỏe không quá 6 tháng.
- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển để tham gia dự tuyển thì Bệnh viện sẽ hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định.

Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Huyết học – Truyền máu thành phố Cần Thơ thông báo đến các thí sinh được biết.

Trân trọng./

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế (báo cáo);
- Thí sinh dự tuyển;
- Niêm yết bảng thông báo BV;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**GIÁM ĐỐC  
Huỳnh Minh Phú**



**DANH SÁCH**

**Kết quả vấn đáp (vòng 2) và công nhận kết quả các thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 084 /TB-HHTM) ngày 19/11/2025 của Hội đồng tuyển dụng BVHHTMCT)

| STT | Số báo danh         | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán                                         | Vị trí dự tuyển     | Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu đăng ký dự tuyển |                    | Điểm vấn đáp (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả           |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|------------|--------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------|-----------|-------------------|
|     |                     |                     | Nam                 | Nữ         |                                                  |                     | Trình độ đào tạo                                | Chuyên ngành       |                       |              |           |                   |
| I   | BÁC SĨ HẠNG III     |                     |                     |            |                                                  |                     |                                                 |                    |                       |              |           |                   |
| 1   | BS07                | Ngô Ngọc Phúc       |                     | 20/01/2000 | Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ                       | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 90,0                  |              | 90,0      | Trúng tuyển       |
| 2   | BS12                | Đỗ Thị Cẩm Tiên     |                     | 13/07/2001 | Xã Thập Mười, tỉnh Đồng Tháp                     | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 81,3                  |              | 81,3      | Trúng tuyển       |
| 3   | BS03                | Đoàn Thị Cẩm Hà     |                     | 11/06/2001 | Tổ 13, ấp Long Thạnh, xã Phước Lý, tỉnh Tây Ninh | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 76,0                  |              | 76,0      | Trúng tuyển       |
| 4   | BS10                | Lại Hoàng Thúc      | 25/08/2000          |            | Xã Trường Long, TPCT                             | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 64,0                  |              | 64,0      | Trúng tuyển       |
| 5   | BS11                | Nguyễn Minh Thủy    |                     | 21/09/1999 | Hà Nam                                           | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 56,0                  | 5            | 61,0      | Trúng tuyển       |
| 6   | BS06                | Nguyễn Thị Kim Ngân |                     | 12/02/2000 | Cần Thơ                                          | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 50,5                  |              | 50,5      | Không trúng tuyển |
| 7   | BS09                | Ngô Ngọc Hoàng Thơ  |                     | 28/06/2001 | Ấp C1, xã Thạnh An, TPCT                         | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 38,5                  |              | 38,5      | Không trúng tuyển |
| 8   | BS02                | Dương Hà Giang      |                     | 04/04/1999 | Thị trấn Thiên Cẩm, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh           | Bác sĩ hạng III     | Đại học                                         | Bác sĩ y khoa      | 16,0                  |              | 16,0      | Không trúng tuyển |
| II  | ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III |                     |                     |            |                                                  |                     |                                                 |                    |                       |              |           |                   |
| 1   | ĐD03                | Nguyễn Trọng Hiến   | 17/02/2001          |            | Xã Phong Điền, TPCT                              | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa | 91,0                  | 5            | 96,0      | Trúng tuyển       |
| 2   | ĐD04                | Phạm Thị Diễm My    |                     | 01/01/1995 | Tân Bình, Phụng Hiệp, Hậu Giang                  | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa | 95,7                  |              | 95,7      | Trúng tuyển       |
| 3   | ĐD08                | Hồ Thị Anh Thi      |                     | 19/01/1995 | Xã Tân Quới, tỉnh Vĩnh Long                      | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa | 95,7                  |              | 95,7      | Trúng tuyển       |
| 4   | ĐD02                | Nguyễn Thị Thúy Ái  |                     | 13/04/1995 | Phường Hưng Phú, TPCT                            | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa | 88,7                  |              | 88,7      | Trúng tuyển       |



| STT                           | Số báo danh | Họ và tên                 | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán                                               | Vị trí dự tuyển     | Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu đăng ký dự tuyển |                           | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả           |
|-------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------|------------|--------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------|-----------|-------------------|
|                               |             |                           | Nam                 | Nữ         |                                                        |                     | Trình độ đào tạo                                | Chuyên ngành              |                       |              |           |                   |
| 5                             | ĐD10        | Dương Thị Thanh Thúy      |                     | 23/05/1990 | Trung An, Vũng Liêm, Vĩnh Long                         | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 86,3                  |              | 86,3      | Trúng tuyển       |
| 6                             | ĐD12        | Võ Thị Tư                 |                     | 10/05/1988 | Vĩnh Xuân, Vĩnh Long                                   | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 83,0                  |              | 83,0      | Trúng tuyển       |
| 7                             | ĐD11        | Trần Thị Thanh Trúc       |                     | 14/10/1987 | Phong Điền, Cần Thơ                                    | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 80,7                  |              | 80,7      | Trúng tuyển       |
| 8                             | ĐD06        | Phan Thị Tuấn Nhi         |                     | 20/10/1994 | Ấp 8, xã Xà Phien, TPCT                                | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 73,3                  |              | 73,3      | Trúng tuyển       |
| 9                             | ĐD01        | Huỳnh Thị Ngọc Ái         |                     | 13/03/2003 | Ấp Ninh Hòa, xã Ninh Quới, tỉnh Cà Mau                 | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 70,3                  |              | 70,3      | Trúng tuyển       |
| 10                            | ĐD09        | Phan Minh Thoại           | 29/09/2002          |            | 160A, ấp An Bình, xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp          | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 60,7                  |              | 60,7      | Trúng tuyển       |
| 11                            | ĐD07        | Phạm Nhật Tâm             | 21/06/1999          |            | Khóm 3, Thị trấn Thới Bình, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau  | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 51,7                  |              | 51,7      | Trúng tuyển       |
| 12                            | ĐD05        | Nguyễn Thị Thanh Nhi      |                     | 28/04/2000 | Xã Phụng Hiệp, TPCT                                    | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 51,0                  |              | 51,0      | Không trúng tuyển |
| 13                            | ĐD13        | Nguyễn Hạnh Hải Yến       |                     | 17/05/2003 | Ấp Tân An, xã Tân Long Hội, tỉnh Vĩnh Long             | Điều dưỡng hạng III | Đại học                                         | Điều dưỡng đa khoa        | 49,3                  |              | 49,3      | Không trúng tuyển |
| <b>III ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV</b> |             |                           |                     |            |                                                        |                     |                                                 |                           |                       |              |           |                   |
| 1                             | CĐ03        | Ung Thị Như Thắm          |                     | 08/07/1995 | Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp                          | Điều dưỡng hạng IV  | Cao đẳng                                        | Điều dưỡng đa khoa        | 96,3                  |              | 96,3      | Trúng tuyển       |
| 2                             | CĐ02        | Nguyễn Thị Hồng Ngọc      |                     | 19/12/1994 | Tân An, Vĩnh Long                                      | Điều dưỡng hạng IV  | Cao đẳng                                        | Điều dưỡng đa khoa        | 89,0                  |              | 89,0      | Trúng tuyển       |
| 3                             | CĐ04        | Đặng Thị Cẩm Tú           |                     | 01/01/1991 | Hiếu Thành, Vĩnh Long                                  | Điều dưỡng hạng IV  | Cao đẳng                                        | Điều dưỡng đa khoa        | 85,7                  |              | 85,7      | Trúng tuyển       |
| 4                             | CĐ05        | Huỳnh Thị Bích Tuyền      |                     | 02/08/1993 | 42/86, tổ 4, ấp An Thạnh 3, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp | Điều dưỡng hạng IV  | Cao đẳng                                        | Điều dưỡng đa khoa        | 80,7                  |              | 80,7      | Trúng tuyển       |
| 5                             | CĐ01        | Phan Vũ Hoàng             | 23/02/1999          |            | Cần Thơ                                                | Điều dưỡng hạng IV  | Cao đẳng                                        | Điều dưỡng đa khoa        | 78,3                  |              | 78,3      | Trúng tuyển       |
| <b>IV KỸ THUẬT Y HẠNG III</b> |             |                           |                     |            |                                                        |                     |                                                 |                           |                       |              |           |                   |
| 1                             | XN49        | Thạch Thị Thúy            |                     | 05/06/2000 | Vĩnh Long                                              | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 97,0                  | 5            | 102,0     | Trúng tuyển       |
| 2                             | XN27        | Trần Hữu Nghĩa            | 25/04/1994          |            | Kv5, phường Ô Môn, TPCT                                | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 97,5                  |              | 97,5      | Trúng tuyển       |
| 3                             | XN19        | Nguyễn Hữu Hiền           | 12/01/1993          |            | Xã Nhơn Ái, TPCT                                       | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 97,0                  |              | 97,0      | Trúng tuyển       |
| 4                             | XN29        | Phạm Võ Trường Anh Nguyệt |                     | 06/08/1995 | Xã Định Mỹ, tỉnh An Giang                              | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 96,8                  |              | 96,8      | Trúng tuyển       |



| STT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán                                         | Vị trí dự tuyển     | Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu đăng ký dự tuyển |                           | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả           |
|-----|-------------|-----------------------|---------------------|------------|--------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------|-----------|-------------------|
|     |             |                       | Nam                 | Nữ         |                                                  |                     | Trình độ đào tạo                                | Chuyên ngành              |                       |              |           |                   |
| 5   | XN51        | Nguyễn Thị Bích Thủy  |                     | 27/01/1999 | Ấp Long Thạnh, phường Long Phú 1, TPCT           | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 96,3                  |              | 96,3      | Trúng tuyển       |
| 6   | XN57        | Lâm Hoàng Xuyên       | 06/07/1994          |            | Ấp Xóm Chòi, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long           | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 94,7                  |              | 94,7      | Trúng tuyển       |
| 7   | XN45        | Đỗ Thị Kim Thoa       |                     | 12/01/1997 | Ấp Ngã Chánh, xã Hiếu Thành, tỉnh Vĩnh Long      | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 94,0                  |              | 94,0      | Trúng tuyển       |
| 8   | XN30        | Lâm Trọng Nhân        | 15/09/2000          |            | Khóm 2, phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau            | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 88,5                  |              | 88,5      | Trúng tuyển       |
| 9   | XN11        | Nguyễn Tuấn Đạt       | 20/01/1997          |            | Khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp     | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 86,7                  |              | 86,7      | Trúng tuyển       |
| 10  | XN16        | Trần Hoài Hận         | 07/07/2000          |            | Xã Tân Phú Trung, tỉnh Đồng Tháp                 | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 85,3                  |              | 85,3      | Trúng tuyển       |
| 11  | XN41        | Trần Thị Thanh Thanh  |                     | 23/10/1997 | Cần Thơ                                          | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 84,7                  |              | 84,7      | Trúng tuyển       |
| 12  | XN36        | Dương Hoài Niệm       | 12/03/1992          |            | Thuận An, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang         | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 84,0                  |              | 84,0      | Không trúng tuyển |
| 13  | XN07        | Nguyễn Thị Ngọc Bích  |                     | 11/01/1993 | Xã An Ngãi Trung, tỉnh Vĩnh Long                 | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 83,0                  |              | 83,0      | Không trúng tuyển |
| 14  | XN43        | Thạch Thị Sơn Thê     |                     | 22/09/2001 | Ấp Ngải Lộ B, Trà Côn, Trà Ôn, Vĩnh Long         | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 77,7                  | 5            | 82,7      | Không trúng tuyển |
| 15  | XN52        | Nguyễn Trung Tính     | 03/10/1999          |            | Thanh Hòa, Phụng Hiệp, Hậu Giang                 | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 82,7                  |              | 82,7      | Không trúng tuyển |
| 16  | XN40        | Nguyễn Thị Nhà Quyên  |                     | 02/04/1994 | 512A/3 xã Phong Hòa, tỉnh Đồng Tháp              | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 81,7                  |              | 81,7      | Không trúng tuyển |
| 17  | XN32        | Võ Thị Huỳnh Nhi      |                     | 06/03/2000 | 225/3, Phụng Đức B, xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 78,5                  |              | 78,5      | Không trúng tuyển |
| 18  | XN47        | Dương Minh Thuận      | 06/09/1994          |            | Vĩnh Long                                        | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 78,3                  |              | 78,3      | Không trúng tuyển |
| 19  | XN42        | Trương Thị Lê Thanh   |                     | 21/02/2002 | Phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long                  | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 77,3                  |              | 77,3      | Không trúng tuyển |
| 20  | XN10        | Nguyễn Lâm Hương Đang |                     | 28/08/2002 | Cần Thơ                                          | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 76,7                  |              | 76,7      | Không trúng tuyển |
| 21  | XN58        | Nguyễn Thị Ngọc Yển   |                     | 03/08/1993 | Xã Mỹ Thiện, tỉnh Đồng Tháp                      | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 75,3                  |              | 75,3      | Không trúng tuyển |
| 22  | XN37        | Võ Thị Như Oanh       |                     | 04/03/1996 | 183 Nhật Tảo, phường Cái Răng, TPCT              | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 74,0                  |              | 74,0      | Không trúng tuyển |
| 23  | XN22        | Dương Hoài Lang       | 27/07/1990          |            | Xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau                      | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 73,0                  |              | 73,0      | Không trúng tuyển |



| STT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán                                   | Vị trí dự tuyển     | Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu đăng ký dự tuyển |                           | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả           |
|-----|-------------|-----------------------|---------------------|------------|--------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------|-----------|-------------------|
|     |             |                       | Nam                 | Nữ         |                                            |                     | Trình độ đào tạo                                | Chuyên ngành              |                       |              |           |                   |
| 24  | XN09        | Võ Thị Diễm Chi       |                     | 02/02/1998 | Long Hòa, Bình Thủy, TPCT                  | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 72,7                  |              | 72,7      | Không trúng tuyển |
| 25  | XN50        | Nguyễn Phương Thùy    |                     | 15/06/2000 | Long Bình, Phú Quới, tỉnh Vĩnh Long        | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 70,7                  |              | 70,7      | Không trúng tuyển |
| 26  | XN15        | Đặng Huỳnh Gia Hân    |                     | 01/09/2001 | Xã Phụng Hiệp, TPCT                        | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 70,3                  |              | 70,3      | Không trúng tuyển |
| 27  | XN21        | Phan Trung Hiếu       | 09/02/2001          |            | Khóm 3, phường Láng Tròn, tỉnh Cà Mau      | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 69,0                  |              | 69,0      | Không trúng tuyển |
| 28  | XN26        | Lê Thị Phương Nghi    |                     | 24/04/2002 | Cần Thơ                                    | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 68,0                  |              | 68,0      | Không trúng tuyển |
| 29  | XN38        | Đào Vũ Phương         | 13/08/2002          |            | Xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp               | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 60,8                  |              | 60,8      | Không trúng tuyển |
| 30  | XN44        | Lê Thanh Thế          | 01/04/2001          |            | Xã Nhu Gia, TPCT                           | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 60,0                  |              | 60,0      | Không trúng tuyển |
| 31  | XN20        | Nguyễn Chí Hiếu       | 01/01/2003          |            | Vĩnh Thuận, Kiên Giang                     | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 59,0                  |              | 59,0      | Không trúng tuyển |
| 32  | XN08        | Trương Trung Can      | 03/05/2003          |            | Ấp Phước Thủy, xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 58,0                  |              | 58,0      | Không trúng tuyển |
| 33  | XN06        | Từ Bé Bảy             |                     | 21/04/1989 | Xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang              | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 57,0                  |              | 57,0      | Không trúng tuyển |
| 34  | XN53        | Trần Thị Bảo Trân     |                     | 01/03/1992 | Xã Hòa Thuận, tỉnh An Giang                | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 57,0                  |              | 57,0      | Không trúng tuyển |
| 35  | XN35        | Trịnh Quang Nhựt      | 02/03/2002          |            | Ấp Thuận Long A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau  | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 54,3                  |              | 54,3      | Không trúng tuyển |
| 36  | XN18        | Thái Thị Ngọc Hên     |                     | 26/10/2001 | Phường Tân Châu, tỉnh An Giang             | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 53,3                  |              | 53,3      | Không trúng tuyển |
| 37  | XN24        | Huỳnh Thanh Long      | 29/05/1992          |            | Cần Thơ                                    | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 53,0                  |              | 53,0      | Không trúng tuyển |
| 38  | XN28        | Nguyễn Thị Như Nguyệt |                     | 15/09/2003 | Cần Thơ                                    | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 52,5                  |              | 52,5      | Không trúng tuyển |
| 39  | XN46        | Trương Thị Cẩm Thu    |                     | 09/02/2002 | Cần Thơ                                    | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 51,0                  |              | 51,0      | Không trúng tuyển |
| 40  | XN39        | Phan Đình Quý         | 21/06/2003          |            | 99/1, tổ 2, Cây Huệ, Hòa Hưng, An Giang    | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 50,0                  |              | 50,0      | Không trúng tuyển |
| 41  | XN56        | Lê Ngọc Xâm           |                     | 19/08/1989 | Kv Vĩnh Hòa, phường Ngã Năm, TPCT          | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 47,3                  |              | 47,3      | Không trúng tuyển |
| 42  | XN02        | Trần Văn An           | 09/09/1993          |            | Ấp 5, xã Tân Lộc, tỉnh Cà Mau              | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 44,5                  |              | 44,5      | Không trúng tuyển |
| 43  | XN14        | Nguyễn Thụy Giang     | 29/06/1993          |            | Xã Lục Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long            | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 39,5                  |              | 39,5      | Không trúng tuyển |
| 44  | XN04        | Nguyễn Thị Lan Anh    |                     | 03/11/2003 | Ấp Thới Phước A, xã Thới Lai, TPCT         | Kỹ thuật y hạng III | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 33,8                  |              | 33,8      | Không trúng tuyển |



| STT                                | Số báo danh | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán                                                 | Vị trí dự tuyển       | Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu đăng ký dự tuyển |                            | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm      | Kết quả           |
|------------------------------------|-------------|-------------------------|---------------------|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|----------------|-------------------|
|                                    |             |                         | Nam                 | Nữ         |                                                          |                       | Trình độ đào tạo                                | Chuyên ngành               |                       |              |                |                   |
| 45                                 | XN05        | Trần Tuấn Anh           | 31/05/1995          |            | Hà Nội                                                   | Kỹ thuật y hạng III   | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học  | 24,3                  |              | 24,3           | Không trúng tuyển |
| 46                                 | XN13        | Trương Thị Mỹ Duyên     |                     | 10/06/2003 | Ấp Trà Ban Nhỏ, xã Xà Phiền, TPCT                        | Kỹ thuật y hạng III   | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học  | 20,5                  |              | 20,5           | Không trúng tuyển |
| 47                                 | XN12        | Nguyễn Trường Duy       | 11/10/1995          |            | 42A Hùng Vương, khóm 2, phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long | Kỹ thuật y hạng III   | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học  | 14,0                  |              | 14,0           | Không trúng tuyển |
| 48                                 | XN01        | Nguyễn Cẩm An           |                     | 05/07/1996 | Thạnh Phú, Cờ Đỏ, Cần Thơ                                | Kỹ thuật y hạng III   | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học  | Không tham gia        |              | Không tham gia | Không tham gia    |
| 49                                 | XN25        | Nguyễn Hồng Ngân        |                     | 09/01/2002 | 11N16/2 Nguyễn Văn Linh, Tân An, TPCT                    | Kỹ thuật y hạng III   | Đại học                                         | Kỹ thuật xét nghiệm y học  | Không tham gia        |              | Không tham gia | Không tham gia    |
| <b>V KẾ TOÁN VIÊN HẠNG III</b>     |             |                         |                     |            |                                                          |                       |                                                 |                            |                       |              |                |                   |
| 1                                  | KT09        | Nguyễn Châu Thi         |                     | 25/10/1983 | Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ                               | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Tài chính - tín dụng       | 88,0                  |              | 88,0           | Trúng tuyển       |
| 2                                  | KT01        | Phạm Trung Anh          |                     | 27/05/1992 | Xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang          | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Kế toán tổng hợp           | 63,8                  |              | 63,8           | Không trúng tuyển |
| 3                                  | KT03        | Nguyễn Đoàn Phượng Hằng |                     | 03/08/1991 | Đại Thành, Ngã Bảy, Hậu Giang                            | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Tài chính ngân hàng        | 63,0                  |              | 63,0           | Không trúng tuyển |
| 4                                  | KT04        | Lê Thị Kim Ngân         |                     | 20/03/1998 | Phường Chi Lăng, tỉnh An Giang                           | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Kế toán                    | 61,7                  |              | 61,7           | Không trúng tuyển |
| 5                                  | KT08        | Lâm Thị Hồng Thi        |                     | 13/07/1989 | Long Tuyền, Bình Thủy, Cần Thơ                           | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Quản trị tài chính kế toán | 53,3                  |              | 53,3           | Không trúng tuyển |
| 6                                  | KT06        | Lê Thị Kim Ngọc         |                     | 20/04/1986 | Cần Thơ                                                  | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Kế toán tổng hợp           | 44,0                  |              | 44,0           | Không trúng tuyển |
| 7                                  | KT07        | Nguyễn Thị Lệ Như       |                     | 11/11/1985 | Tân Bình, Phụng Hiệp, Hậu Giang                          | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Kế toán                    | 35,5                  |              | 35,5           | Không trúng tuyển |
| 8                                  | KT05        | Huỳnh Kim Ngọc          |                     | 16/09/1987 | An Phong, Thanh Bình, Đồng Tháp                          | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Kế toán                    | 33,7                  |              | 33,7           | Không trúng tuyển |
| 9                                  | KT02        | Lê Thị Kim Hằng         |                     | 14/01/1991 | An Thuận, Hội An, An Giang                               | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Tài chính ngân hàng        | Không tham gia        |              | Không tham gia | Không tham gia    |
| 10                                 | KT10        | Phạm Thị Yến            |                     | 12/11/1987 | Xã Phú Hữu, tỉnh Đồng Tháp                               | Kế toán viên hạng III | Đại học                                         | Kế toán                    | Không tham gia        |              | Không tham gia | Không tham gia    |
| <b>VI CHUYÊN VIÊN VỀ TÀI CHÍNH</b> |             |                         |                     |            |                                                          |                       |                                                 |                            |                       |              |                |                   |
| 1                                  | CV04        | Nguyễn Thành Trung      | 20/07/1976          |            | Xã Trường Khánh, TPCT                                    | Chuyên viên tài chính | Đại học                                         | Quản trị kinh doanh        | 98,7                  |              | 98,7           | Trúng tuyển       |
| 2                                  | CV01        | Cao Thị Kỳ Anh          |                     | 25/06/2001 | Long Phú, thị xã Long Mỹ, Hậu Giang                      | Chuyên viên tài chính | Đại học                                         | Quản trị kinh doanh        | 35,0                  |              | 35,0           | Không trúng tuyển |
| 3                                  | CV05        | Lê Thị Hồng Vân         |                     | 18/05/2001 | Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa                              | Chuyên viên tài chính | Đại học                                         | Quản trị kinh doanh        | 34,3                  |              | 34,3           | Không trúng tuyển |



| STT                                     | Số báo danh | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh |            | Quê quán                                                       | Vị trí dự tuyển              | Chuyên môn nghiệp vụ tại phiếu đăng ký dự tuyển |                           | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Điểm ưu tiên | Tổng điểm      | Kết quả           |
|-----------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------|----------------|-------------------|
|                                         |             |                     | Nam                 | Nữ         |                                                                |                              | Trình độ đào tạo                                | Chuyên ngành              |                       |              |                |                   |
| 4                                       | CV03        | Huỳnh Thị Huỳnh Như |                     | 28/03/1998 | Số nhà 42, ấp 9A, xã Phong Hiệp, huyện Phước Long, tỉnh Cà Mau | Chuyên viên tài chính        | Đại học                                         | Quản trị kinh doanh       | 25,7                  |              | 25,7           | Không trúng tuyển |
| 5                                       | CV02        | Trần Đức Huy        | 19/11/1995          |            | Nhon Nghĩa, Phong Điền, TPCT                                   | Chuyên viên tài chính        | Đại học                                         | Quản trị kinh doanh       | Không tham gia        |              | Không tham gia | Không tham gia    |
| <b>VII CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HẠNG III</b> |             |                     |                     |            |                                                                |                              |                                                 |                           |                       |              |                |                   |
| 1                                       | TT02        | Tổng Xuân Lộc       | 27/09/1981          |            | Bắc Ninh                                                       | Công nghệ thông tin hạng III | Đại học                                         | Kỹ sư công nghệ thông tin | 82,0                  |              | 82,0           | Trúng tuyển       |
| 2                                       | TT01        | Huỳnh Quang Đà      | 09/04/2000          |            | Xã Xà Phiên, TPCT                                              | Công nghệ thông tin hạng III | Đại học                                         | Kỹ sư công nghệ thông tin | 52,0                  |              | 52,0           | Không trúng tuyển |

**Tổng số trúng tuyển: 35 thí sinh**

|                             |      |                         |            |                                                 |                       |         |                            |                |  |                |                   |
|-----------------------------|------|-------------------------|------------|-------------------------------------------------|-----------------------|---------|----------------------------|----------------|--|----------------|-------------------|
| 1                           | KT09 | Nguyễn Châu Thị         | 25/10/1983 | Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ                      | Kế toán viên hạng III | Đại học | Tài chính - tin dụng       | 88,0           |  | 88,0           | Trúng tuyển       |
| 2                           | KT01 | Phạm Trung Anh          | 23/05/1992 | Xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | Kế toán viên hạng III | Đại học | Kế toán tổng hợp           | 63,8           |  | 63,8           | Không trúng tuyển |
| 3                           | KT03 | Nguyễn Đoàn Phương Hằng | 03/08/1991 | Đại Thành, Ngã Bảy, Hậu Giang                   | Kế toán viên hạng III | Đại học | Tài chính ngân hàng        | 63,6           |  | 63,6           | Không trúng tuyển |
| 4                           | KT04 | Lê Thị Kim Ngân         | 20/03/1998 | Phước Chi Lăng, tỉnh An Giang                   | Kế toán viên hạng III | Đại học | Kế toán                    | 61,7           |  | 61,7           | Không trúng tuyển |
| 5                           | KT08 | Lâm Thị Hồng Thi        | 13/07/1989 | Long Xuyên, Bình Thủy, Cần Thơ                  | Kế toán viên hạng III | Đại học | Quản trị tài chính kế toán | 53,3           |  | 53,3           | Không trúng tuyển |
| 6                           | KT06 | Lê Thị Kim Ngọc         | 20/04/1986 | Cần Thơ                                         | Kế toán viên hạng III | Đại học | Kế toán tổng hợp           | 44,0           |  | 44,0           | Không trúng tuyển |
| 7                           | KT07 | Nguyễn Thị Lê Như       | 17/11/1982 | Tân Bình, Phước Hiệp, Hậu Giang                 | Kế toán viên hạng III | Đại học | Kế toán                    | 35,3           |  | 35,3           | Không trúng tuyển |
| 8                           | KT05 | Huỳnh Kim Ngọc          | 16/09/1987 | An Phước, Thành Bình, Đồng Tháp                 | Kế toán viên hạng III | Đại học | Kế toán                    | 33,3           |  | 33,3           | Không trúng tuyển |
| 9                           | KT02 | Lê Thị Kim Hằng         | 14/01/1991 | An Thuận, Hội An, An Giang                      | Kế toán viên hạng III | Đại học | Tài chính ngân hàng        | Không tham gia |  | Không tham gia | Không tham gia    |
| 10                          | KT10 | Phạm Thị Yến            | 12/11/1987 | Xã Phú Hòa, tỉnh Đồng Tháp                      | Kế toán viên hạng III | Đại học | Kế toán                    | Không tham gia |  | Không tham gia | Không tham gia    |
| VI CHUYÊN VIÊN VỀ TÀI CHÍNH |      |                         |            |                                                 |                       |         |                            |                |  |                |                   |
| 1                           | CV04 | Nguyễn Thành Trung      | 20/07/1976 | Xã Trường Khánh, TPCT                           | Chuyên viên tài chính | Đại học | Quản trị kinh doanh        | 98,7           |  | 98,7           | Trúng tuyển       |
| 2                           | CV01 | Cao Thị Kỳ Anh          | 22/06/2001 | Long Bình, thị xã Long Mỹ, Hậu Giang            | Chuyên viên tài chính | Đại học | Quản trị kinh doanh        | 35,0           |  | 35,0           | Không trúng tuyển |
| 3                           | CV03 | Lê Thị Hồng Vân         | 18/03/2001 | Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa                     | Chuyên viên tài chính | Đại học | Quản trị kinh doanh        | 34,3           |  | 34,3           | Không trúng tuyển |